TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **699**/2026/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: **1128**/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý KHCN – Khối Thu hồi và Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP V.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Chung A – Chuyên viên xử lý nợ.

1.2. Bị đơn: Bà Phùng Ngọc H, sinh năm 1979;

Nơi thường trú: TDP Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số A, ngõ A đường C, TDP Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hai bên xác nhận:

Về công nợ: Tạm tính đến ngày 13/07/2026, bà Phùng Ngọc H còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền gốc và lãi là: 218,366,195 VND (Hai trăm mười tám triệu, ba trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 110,624,708 VND (Một trăm mười triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm linh tám đồng); Nợ lãi trong hạn: 3,119,671 VND (Ba triệu, một trăm mười chín nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng); Nợ lãi quá hạn 104,103,192 VND (Một trăm linh tư triệu, một trăm linh ba nghìn, một trăm chín mươi hai đồng); Lãi chậm trả: 518,624 VND (Năm trăm mười tám nghìn, sáu trăm hai mươi tư đồng) phát sinh từ Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 11/5/2022; Giấy đăng ký kiêm

Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 01/06/2022; Hợp đồng tín dụng số LD2304403312 ký ngày 13/02/2023; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 22/12/2017; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 11/7/2017 giữa bà Phùng Ngọc H với Ngân hàng TMCP V.

2.2. Nghĩa vụ thực hiện về trả nợ:

Bà Phùng Ngọc H có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi số tiền là: 218,366,195 VND (Hai trăm mười tám triệu, ba trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 110,624,708 VND (Một trăm mười triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm linh tám đồng); Nợ lãi trong hạn: 3,119,671 VND (Ba triệu, một trăm mười chín nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng); Nợ lãi quá hạn 104,103,192 VND (Một trăm linh tư triệu, một trăm linh ba nghìn, một trăm chín mươi hai đồng); Lãi chậm trả: 518,624 VND (Năm trăm mười tám nghìn, sáu trăm hai mươi tư đồng) cho Ngân hàng TMCP V (V1).

Bà Phùng Ngọc H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng nêu trên tính từ ngày 14/7/2026 đến ngày tất toán hết khoản vay.

2.3. Về án phí: Bà Phùng Ngọc H tự nguyện chịu án phí hòa giải thành là 5,460,000 VND (Năm triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V2) số tiền tạm ứng án phí là 4,864,000 VND (Bốn triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng) theo Biên lai số 0020888 ngày 23/12/2025 Ngân hàng TMCP V đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Vũ Quang H1